

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mạnh Xuân Hải.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Minh Tuấn và bà Lê Thị Huân.

* *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:* bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* ông **Lê Minh Kh**, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2/ *Bị đơn:* bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh Kh trình bày: Ông kết hôn với bà Phạm Thị Th trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn năm 1976. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng nhau và có nhiều bất đồng trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân và lần cuối là từ năm 2014 đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà Th.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Th trình bày: Bà xác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân như ông Kh đã trình bày với Tòa án là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, bà Th cho rằng: Do ông Kh là người độc đoán về quản lý và làm ăn kinh tế, ít quan tâm đến gia

đình, từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm sống và không có sự thông cảm, chia sẻ trong cuộc sống. Nay ông Kh xin ly hôn thì bà hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh và bà Th đều xác nhận vợ chồng có 04 người con chung và không có con nuôi, các con chung của vợ chồng là anh Lê Hải Á, sinh năm 1978; anh Lê Huy L, sinh năm 1980; anh Lê Hồng Ph, sinh năm 1981 và chị Lê Thị Th, sinh năm 1983. Hiện nay cả 04 con chung đều đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh và đã có cuộc sống tự lập nên khi ly hôn cả ông Kh, bà Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn ông Lê Minh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Th có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 200m² ở khu công nghiệp Đồng V, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nguồn gốc là đất do vợ chồng thuê dịch vụ 50 năm) và được Tòa án thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, ngày 03/7/2024, bà Phạm Thị Th đã có Văn bản xin rút yêu cầu chia tài sản của mình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công sức, công nợ của vợ chồng: Cả ông Kh và bà Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Kh và bà Th vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh Kh và bà Phạm Thị Th; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Th về chia tài sản chung của vợ chồng; Về con chung; tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: không đặt ra xem xét;; về án phí HNGĐ sơ thẩm: Do ông Kh, bà Th đều là người cao tuổi nên không phải nộp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo bản tự khai của nguyên đơn ông Lê Minh Kh, bị đơn bà Phạm Thị Th cùng cho rằng ông bà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện D (nay là UBND xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam tổ chức đăng ký kết hôn năm 1976, tuy nhiên các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho quan điểm của mình. Tại Biên bản xác minh ngày 27/6/2024, UBND xã T đã cung cấp Bản trích lục kết

hôn của ông Kh và bà Th. Theo đó, UBND xã Đ đã tiến hành đăng ký kết hôn giữa ông Lê Minh Kh và bà Phạm Thị Th vào ngày 28/10/1976 và được các đương sự thừa nhận. HĐXX xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Kh, bà Th chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng mỗi người đưa ra có khác nhau, nhưng cả ông Kh, bà Th cùng thừa nhận thời gian mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ khoảng năm 2014 đến nay. Tại phiên tòa, quan điểm của ông Kh xin ly hôn và được bà Th đồng ý. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Kh và bà Th đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cho dù kéo dài tình trạng ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Kh và bà Th là phù hợp với quy định tại các 51 Điều 55 Luật NH&GD.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, cả ông Kh và bà Th cùng xác nhận vợ chồng có 04 con chung và không có con nuôi; các người con chung của vợ chồng là anh Lê Hải Á, sinh năm 1978; anh Lê Huy L, sinh năm 1980; anh Lê Hồng Ph, sinh năm 1981 và Lê Thị Th, sinh năm 1983. Hiện tại cả 04 người con trên đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Khi ly hôn ông Kh, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, con nuôi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Theo nguyên đơn ông Lê Minh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Th có Văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng là 200m² đất dịch vụ mà vợ chồng bà đang thuê tại phường Đ và đã được Tòa án thụ lý yêu cầu này. Tuy nhiên, ngày 03/7/2024 bà Phạm Thị Th đã có Đơn xin rút yêu cầu giải quyết chia tài sản của vợ chồng. Xét yêu cầu trên của bà Th là tự nguyện nên HĐXX căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà Th là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau này các bên có yêu cầu sẽ được Tòa án xem bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do các đương sự đều là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh Kh và bà Phạm Thị Th.

2. Về con chung: Đối với con chung của vợ chồng ông Lê Minh Kh và bà Phạm Thị Th là các anh, chị: Lê Hải Ân, sinh năm 1978; Lê Huy L, sinh năm 1980; Lê Hồng Ph, sinh năm 1981 và Lê Thị Th, sinh năm 1983 đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống tự lập, nên không đặt ra xem xét.

3. Về công nợ, công sức của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà Phạm Thị Th.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Minh Kh và bị đơn bà Phạm Thị Th không phải nộp tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Tiên Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạnh Xuân Hải

